

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A

*I.P.A Securities Investment Fund
Management Limited Company*

Số/No: 59 /2025/CV-FUEIP100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Hanoi, 31 March 2025

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ ETF IPAAM VN100

Năm 2024

Annual Report on management operation of ETF IPAAM VN100 Fund

In 2024

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

The State Securities Commission of Vietnam

1. Thông tin về quỹ đầu tư chứng khoán/ *Information about the fund*

a) Tên của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Name and type of Fund*: Quỹ ETF IPAAM VN100/ *ETF IPAAM VN100 Fund*

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Investment objectives of the fund*: Mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn/ *The objective of ETF the fund is to closely follow to the actual profitability of the VN100 index in all periods*

c) Thời hạn hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Operating period of the fund*: Không giới hạn/ *Indefinite life*

d) Danh mục tham chiếu/ *Benchmark portfolio*: VN100

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policies*: Không có/ *None*

f) Số lượng đơn vị quỹ đầu tư chứng khoán đang lưu hành/ *The number of outstanding Fund units*: 5.300.000 đơn vị quỹ/ *Fund units*



g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán trong kỳ báo cáo/ *Changes in the Fund's charter*: Không có/ None

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/ *Contents of the resolution of the General Meeting of Investors*:

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư số 01/2024/NQ-ĐHNĐT-ETF IPAAM VN100 có nội dung như sau:

Resolution of the General Meeting of Investors No. 01/2024/NQ-ĐHNĐT-ETF IPAAM VN100 with the following contents:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động thường niên năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100/ *Approval of the 2023 Annual Activity Report of the ETF IPAAM VN100 Fund*

- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 và phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023/ *Approval of the Audited Financial Statements for 2023 and the Non-Distribution of Profit Plan for the ETF IPAAM VN100 Fund in 2023*

- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2023 và kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024/ *Approval of the 2023 Activity Report of the Fund Representative Board and the 2024 Operational Budget Plan of the Fund Representative Board.*

- Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ/ *Authorization to the Fund Representative Board to decide on certain matters under the authority of the Investor Congress as stipulated in the Charter of the ETF IPAAM VN100 Fund, including: Election, dismissal, or removal of the Chairman and members of the Fund Representative Board and determination of remuneration and operational expenses for the Fund Representative Board.*

- Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ lựa chọn phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán/ *Authorization to the Fund Representative Board to select and approve the auditing firm for the 2024 Financial Statements of the ETF IPAAM*

VN100 Fund from the list of auditing firms approved by the State Securities Commission for auditing public-interest entities in the securities sector.

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ *Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds: Chi tiết xem mục 4 báo cáo này/ Please see details in Section 4*

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán/ Reporting on operations of the Fund:

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể/ *Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at December 31st of the latest 3 years (if any), to be specific:*

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán)/ *The investment portfolio of the Fund, sorted by business sectors/fields and product types (stocks, bonds, etc.) (details about the entire portfolio by ticker symbol are not required):*

• Danh mục đầu tư theo tài sản/ Portfolio breakdown by asset:

Cơ cấu tài sản quỹ/ Fund's asset structure	Tại ngày 31/12/2024 At 31 December 2024	Tại ngày 31/12/2023 At 31 December 2023	Tại ngày 31/12/2022 At 31 December 2022
Danh mục chứng khoán/ investment portfolio	99,22%	99,42%	99,31%
Tiền/ Cash	0,43%	0,51%	0,52%
Tài sản khác/ Other assets	0,35%	0,07%	0,17%
Tổng/ Total	100%	100%	100%

• Danh mục đầu tư theo ngành/ Portfolio breakdown by sectors:

Ngành/ Sector	Tại ngày 31/12/2024 <i>At 31 December 2024</i>	Tại ngày 31/12/2023 <i>At 31 December 2023</i>	Tại ngày 31/12/2022 <i>At 31 December 2022</i>
Ngân hàng/ <i>Banks</i>	45,3%	42,9%	43,6%
Bất động sản/ <i>Real Estate</i>	11,4%	13,4%	15,0%
Công nghệ Thông tin/ <i>Technology</i>	9,7%	6,4%	5,5%
Thực phẩm và đồ uống/ <i>Food & Beverage</i>	7,5%	9,0%	11,9%
Tài nguyên Cơ bản/ <i>Basic Resources</i>	5,5%	6,6%	4,9%
Dịch vụ tài chính/ <i>Financial Services</i>	5,1%	5,6%	3,2%
Bán lẻ/ <i>Retail</i>	4,6%	3,9%	3,8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp/ <i>Industrial Goods & Services</i>	2,8%	2,9%	2,5%
Hóa chất/ <i>Chemicals</i>	2,2%	2,2%	1,7%
Du lịch và Giải trí/ <i>Travel & Leisure</i>	1,5%	1,8%	2,3%
Hàng cá nhân & Gia dụng/ <i>Personal & Household Goods</i>	1,4%	1,5%	1,9%
Xây dựng và Vật liệu/ <i>Construction & Materials</i>	0,9%	1,1%	0,8%

Điện, nước & xăng dầu khí đốt/ <i>Utilities</i>	0,7%	0,9%	1,1%
Dầu khí/ <i>Oil & Gas</i>	0,6%	0,7%	0,7%
Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	0,2%	0,2%	0,3%
Ô tô và phụ tùng/ <i>Automobiles & Parts</i>	0,0%	0,3%	0,2%
Tổng/ Total	99,3%	99,4%	99,3%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; số lượng chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán đang lưu hành; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ đầu tư chứng khoán cao nhất/thấp nhất trong năm/ *NAV of the fund; NAV per fund unit; number of outstanding fund certificates; The highest/lowest NAV per fund unit in the year*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Tại ngày 31/12/2024 <i>At 31 December 2024</i>	Tại ngày 31/12/2023 <i>At 31 December 2023</i>	Tại ngày 31/12/2022 <i>At 31 December 2022</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ/ <i>Net asset value (NAV)</i>	50.832.994.056	47.001.463.686	40.448.131.571
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ/ <i>NAV per fund unit</i>	9.591,13	8.245,87	7.096,16
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành/ <i>Number of outstanding fund certificates</i>	5.300.000	5.700.000	5.700.000
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm/ <i>Highest NAV per Fund Certificates in the year</i>	9.760,66	9.058,29	11.457,32
Giá trị tài sản ròng thấp nhất	8.238,12	7.010,72	6.207,66

của 1 đơn vị CCQ trong năm/ <i>Lowest NAV per Fund Certificates in the year</i>			
--	--	--	--

- Tổng lợi nhuận của quỹ đầu tư chứng khoán, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);/ *Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value);*

Chỉ tiêu/ Items	2024	2023	2022
Tổng thu nhập/ <i>total income</i>	8.900.779.376	7.707.801.210	(22.571.263.818)
- Cổ tức được chia/ <i>Dividend income</i>	952.972.502	774.022.800	555.730.449
- Tiền lãi được nhận/ <i>Interest income</i>	748.874	662.220	756.613
- Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư/ <i>Loss from trading securities</i>	(288.261.140)	(2.228.087.609)	(849.569.600)
- Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện/ <i>Revaluation difference</i>	8.235.319.140	9.161.203.799	(22.278.181.280)

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ đầu tư chứng khoán (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ đầu tư chứng khoán; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ đầu tư chứng khoán trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận/ *Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận/ No profit distribution is made by the Fund*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán và Tốc độ vòng quay danh mục/ *The operating expense ratio and the turnover rate of the Fund*

Chỉ tiêu/ Items	2024	2023	2022
Tỷ lệ chi phí/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ <i>Operating expense/ average NAV in the period rate</i>	2,42%	2,57%	2,32%
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ/ <i>The turnover rate</i>	5,30%	8,63%	14,81%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo/ *Information about loans and amounts payable of the Fund (if any), repo/reverse repo transactions: Không có/ None*

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Profit indicator of the fund* :

Tổng lợi nhuận của quỹ đầu tư chứng khoán phát sinh trong kỳ báo cáo xác định/ *Total annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:*

Chỉ tiêu/ Items	2024	2023	2022
Tổng lợi nhuận/ <i>Total profit</i>	7.656.633.984	6.553.332.115	(23.774.999.535)

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác/ *Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ quỹ và sổ tay định giá của Quỹ/ *Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund**

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập/ *Data and figures are provided by an independent*

organization: Không có/ None

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư/

Recommendation: The previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

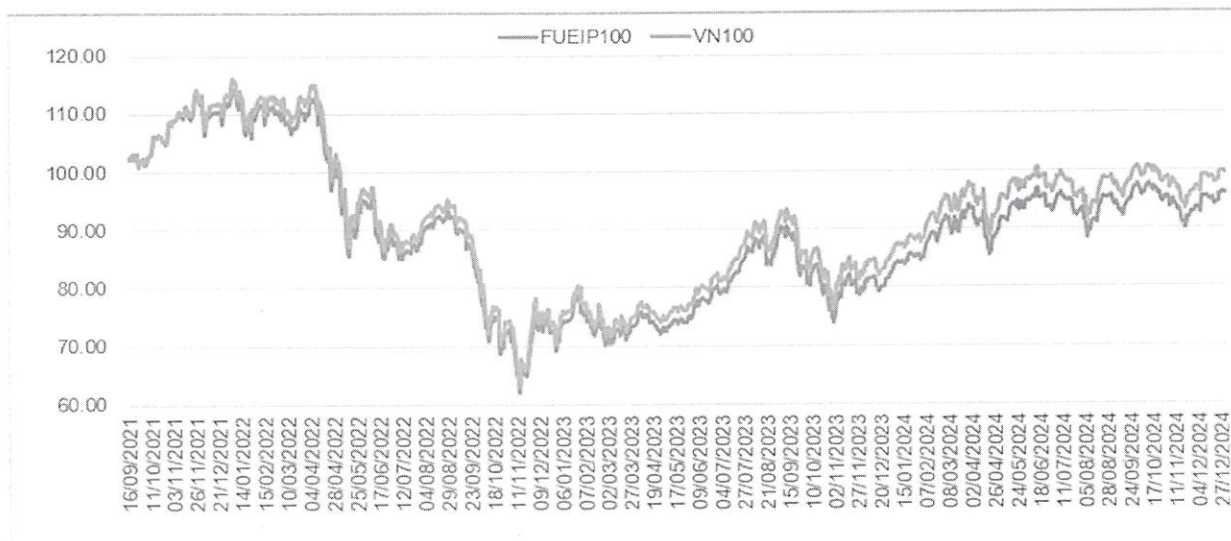
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau/ *The report on the management of assets of the fund management company shall include the following contents:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ/ *Notes about the replacement of the fund management company (if any) : Không có/ None*

b) Thuyết minh về việc quỹ đầu tư chứng khoán có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ đầu tư chứng khoán)/ *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund (if the annual report of the fund/securities investment company is submitted);*

Mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn, tại 31/12/2024 Quỹ có mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu ở mức thấp, trong mức quy định, khoảng 0,5%/ *The objective of the fund is to replicate the performance of VN100 Index during the reporting period, at 31 December 2024, the fund achieved this objective with tracking error of 0.5% compared to benchmark index.*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):*



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ đầu tư chứng khoán với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị)/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph):*

Quỹ thành lập ngày 14/09/2021 nên không có dữ liệu của 05 năm gần nhất/ *The fund has established at 14 September 2021, therefore none of data for the period of 05 recent years*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đầu tư chứng khoán đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/ *Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided: Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch/ In the period, the fund applied the investment strategies published in the prospectus.*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the*

year preceding the reporting year:

Cơ cấu danh mục của Quỹ tại ngày 31/12/2024 không thay đổi nhiều so với tại ngày 31/12/2023 khi tỷ trọng cổ phiếu là trên 99%, do quỹ là loại hình hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số/
The investment portfolio of the fund at 31/12/2024 remained largely unchanged compared to that of 31/12/2023, with equity weight accounting for over 95%, as the fund is an exchange-traded fund designed to replicate an index.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ đầu tư chứng khoán (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất; *analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period.*

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2024 của Quỹ ETF IPAAM VN100 là 9.591,13 đồng tăng 16,31% so với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại ngày 31/12/2023 là 8.245,87 đồng/ *ETF IPAAM VN100 Fund's net asset value per share as of 31/12/2024 was 9.591,13 dong, increased 16,31% compared to net asset value per share as of 31/12/2023 was 8.245,87 dong*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư chứng khoán đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).. *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc.;*

Trong năm 2024 thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi khi chỉ số VN-Index tăng khoảng 12,1% so với cuối năm 2023. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng 18,9%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức tăng 9,9% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức tăng 5,8%. *In 2024, the Vietnamese stock market experienced growth, with the VN-Index rising by approximately 12.1% compared to the end of 2023. The VN30 Index, which represents Vietnam's largest and most liquid stocks, increased by 18.9%, while the VNMid-cap Index rose by 9.9%, and the VNSmall-cap Index gained 5.8%.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách)/ *Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division):* Không có/ *None*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ công ty đầu tư chứng khoán/ *Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced:* Không có/ *None*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)/ *Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any):* Không có/ *None*

m) Các thông tin khác (nếu có)/ *Other information (if any):* Không có/ *None*

Trường hợp là quỹ đầu tư chứng khoán bất động sản, bổ sung các nội dung/ *Supplemental Disclosures for Real Estate Investment Funds:*

a) Thông tin về hiện trạng và khả năng khai thác bất động sản trong kỳ. Thông tin về các giao dịch (mua-bán) bất động sản trong kỳ;/ *Information about property status and operational capacity in the period. Information about the properties transactions (purchase – sell) during the period*

b) Đánh giá về tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản/ *Evaluation of property management service providers;*

c) Thông tin về hoạt động định giá bất động sản trong kỳ. Mô tả chênh lệch giữa giá gốc và giá trị của bất động sản được định giá lại trong kỳ/ *Information about property valuation activities during the period. Description of discrepancies between the original book value and the revalued amount of properties (if any);*

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the supervisory bank*

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây/ *We are the ETF IPAAM VN100 Fund’s supervisory bank for the financial period ending at 31 December 2024, and with our understandings, the Fund was operated and managed with respect to the following contents;*

a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát/ *Explanations about the replacement of the supervisory bank: Quỹ không thay đổi ngân hàng giám sát/ the Fund did not replace the Supervisory Bank*

b) Việc lưu ký tài sản của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Depositing of assets of the fund: phù hợp quy định của pháp luật liên quan/ in accordance with prevailing law and regulations*

c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch/ *Compliance with investment limits and loan limits as prescribed by law and regulations, Fund Charter and Fund Prospectus :*

Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ *During our supervision of the Fund's investments and asset transactions for the period ending at 31 December 2024, the Fund's investment portfolio complied with-investment limits under prevailing regulations for exchange traded fund, Fund Charter, Fund Prospectus and other relevant regulations.*

d) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch/ *Determination of net asset value as prescribed by law and regulations, Fund Charter, Fund Prospectus:*

Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ *The determination of the Fund's net asset value complied with the Fund Charter, Fund Prospectus, and other prevailing regulations.*

e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch/ *Offering of additional fund certificates and redemption of fund certificates as prescribed by law and regulations, Fund Charter and Fund Prospectus:*

Trong năm, Quỹ đã thực hiện 4 giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ/ *In the year, the Fund implemented 4 Fund certificate exchange transactions*

f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ đầu tư chứng khoán là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Distribution of profits of the fund is appropriate with the investment*

objectives

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư/ *In the financial period ending 31 December 2024, the Fund did not implement the distribution of profits for the investors.*

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Reporting on authorized activities*

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau/ *The fund management company must prepare a report on assessment of quality of services rendered by other entities (authorized parties) such as transfer agent services, fund management services, NAV valuation services, etc. with the following contents:*

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund;*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Compared with profits</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared with incomes</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared with total operating expenses</i>
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng/ <i>Transfer Agent Fee rate</i>	0.86%	0.74%	5.33%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ/ <i>Fund Administrative Fee rate</i>	2.59%	2.22%	15.99%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)/ *Registration of ownership of assets (for a real estate securities investment company);*

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ đầu tư chứng khoán/ *Impacts (if any) of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund: làm tăng chi phí nhưng không đáng kể/ Increase the expend but not substantial.*

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ)/ *Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company);*

Chi tiêu/ Items	Số tiền/ Amounts
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng/ <i>Transfer Agent Fee</i>	66.000.000
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ/ <i>Fund Administrative Fee</i>	198.000.000

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư/ *Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors.*

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ đã thực hiện các dịch vụ được ủy quyền thận trọng, an toàn, tuân thủ các quy định của Điều lệ và Pháp luật/ *The authorized service providers have performed their delegated services with prudence, safety, and full compliance with the Fund's Charter and legal regulations.*

- Hạ tầng kỹ thuật thực hiện dịch vụ an toàn, ổn định, có phương án dự phòng rủi ro khi sự cố xảy ra/ *Service delivery systems operate securely and stably, with backup solutions in place to address potential incidents.*

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ duy trì nhân sự thực hiện các dịch vụ có trình độ, kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu về dịch vụ được ủy quyền, đồng thời đã có hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động ủy quyền được thông suốt, bảo mật thông tin cho khách hàng/ *Service providers maintain qualified and experienced staff to meet service requirements, while implementing internal control systems, risk management protocols, and ensuring smooth delegated operations with strict client confidentiality.*

Nơi nhận/ Place of Receipt:

- Như trên/ *As above;*
- Lưu/ *Kept:*

TỔNG GIÁM ĐỐC
Chief Executive Officer
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ
QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
I.P.A Securities Investment Fund
Management Limited Company

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Signature, full name and stamped)



CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hương